## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – MÔN KHTN 6

**I. Mục đích yêu cầu:**

1. **Phạm vi kiến thức:** Từ tiết thứ 73 đến tiết 100 theo PPCT
2. **Mục đích:**
* Giáo viên:

+ Ra đề theo chuẩn KTKN, phù hợp với nhận thức của học sinh.

+ Sau khi kiểm tra phân loại đối tượng học sinh và điều chỉnh được phương pháp giảng dạy.

* Học sinh: Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông.

## II. Khung ma trận và đặc tả

**a. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:**  *Khi kết thúc bài 40 Lực là gì?*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung *Chủ đề 1: Đa dạng thế giới sống 24 tiết 88%, 9 điểm*

- Nội dung *Chủ đề 2: Lực trong đời sống 3 tiết 12%, 1 điểm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | Tổng số câu | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **1.Đa dạng thế giới sống** (24 tiết) 88% | 1 | **8** | 1 | **4** | 1 |  | 1 |  | 4 | 12 | 9 |
| **2.Lực trong đời sống**(3 tiết) 12% |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 |
| **Số ý TL/ Số câu TN** | **1** | **12** | **1** | **4** | **1** |  | **1** |  | **4** | **16** |  |
| **Điểm số** | **1** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

**b. Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| **1.Đa dạng thế giới sống** (24 tiết) | **3** | **12** |  |  |
| **1.1. Đa dạng nguyên sinh vật:**- Sự đa dạng nguyên sinh vật.- Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  | **Nhận biết** | Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. | **1** | **1** | C17 | C17 |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.  |  | 1 |  | C2 |
| **Vận dụng bậc thấp** | Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| **1.2. Đa dạng nấm:**- Sự đa dạng nấm.- Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra. | **Nhận biết** | Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  | **1** |  | C3 |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). | **1** |  | C18a |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | **1** |  | **C18b** |  |
| **1.3 Đa dạng thực vật:**- Sự đa dạng.- Thực hành. | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | **3** |  | C4,5,6 |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).  |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| **1.4. Đa dạng động vật :**- Sự đa dạng.- Thực hành. | **Nhận biết** | Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.  |  | **~~2~~** |  | C7,8 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. | **1** | **1** | C19 | C9 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **1.5. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.**  | **Nhận biết** | Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | **3** |  | C10,11,12 |
| **1.6. Bảo vệ đa dạng sinh học** | **Vận dụng bậc thấp** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **1.7. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.** | **Vận dụng bậc cao** | - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |
| - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **2. Lực** (3 tiết) |  | **4** |  |  |
| **2.1 Lực và tác dụng của lực** | **Nhận biết** | **Nhận biết**- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  | **4** |  | C13,14,15,16 |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  |  |  |  |
| - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

Thời gian làm bài 60 phút

**A. TRẮC NGIỆM: 4,0 điểm**

*Chọn một phương án trả lời đúng cho các câu sau: (mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)*

**Câu 1.** Bệnh kiết lỵ do tác nhân nào sau đây gây nên?

A. Trùng *Entamoeba histolytica.* B. Trùng *Plasmodium falciparum.*

 C. Trùng giày. D. Trùng roi.

**Câu 2 .** Chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống và rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng để

A. thực phẩm được ngon miệng hơn.

B. làm sạch dư lượng thuốc bảo vệ thực vật có trong các loại thực phẩm.

C. ngăn ngừa nhiễm bệnh từ vi khuẩn, trứng giun, sán.

D. thực phẩm nhìn đẹp mắt hơn.

**Câu 3.** **Bệnh nào sau đây do nấm gây ra?**

A. Hắc lào. B. Tiêu chảy. C. Kiết lỵ. D. Sốt rét.

**Câu 4.** Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành hạt kín là

A. cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây rêu. B. cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm.

C. cây bưởi cây táo, cây hồng xiêm. D. cây thông, cây rêu, cây lúa.

**Câu 5.** Nhóm thực vật nào dưới đây để làm thuốc chữa bệnh?

A. Lúa, đinh lăng, tía tô, ngải cứu. B. Ngô, lá mơ, tía tô, ngải cứu.

1. Đinh lăng, tía tô, ngải cứu, lá mơ. D. Tía tô, ngải cứu, rau cải.

**Câu 6.** Nhóm thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, không noãn, không hoa?

A. Rêu.                 B. Dương xỉ.                    C. Hạt kín.             D. Hạt trần.

**Câu 7.** Có thể dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống?

A. Bộ xương ngoài.                   B. Lớp vỏ.

C. Xương cột sống.                   D. Vỏ calcium.

**Câu 8.** Các loài nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh?

1. Ruồi, chim bồ câu, ếch. B. Ruồi, muỗi, chuột.
2. Rắn, cá heo, hổ. D. Hươu cao cổ, đà điểu, dơi.

**Câu 9.** Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp động vật có vú (Lớp thú)?

A. Gấu, voi, mèo, lợn. B. Rắn, ca heo, hổ.

C. Bò, châu chấu, hổ. D. Tôm, muỗi, lợn.

**Câu 10.** Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

 A. Đốt rừng làm lương rẫy. B.Biến đất rừng thành đất phi nông nghiệp.

 C. Xây dựng nhiều đập thuỷ điện. D.Trồng cây gây rừng.

**Câu 11**. Rừng tự nhiên **không** có vai trò nào sau đây?

 A. Điều hòa khí hậu.

B. Cung cấp đất phi nộng nghiệp.

 C. Bảo vệ đất và nước trong tự nhiên.

D. Là nơi ở của các loài động vật hoang dã.

**Câu 12**. Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

 A. Thảo nguyên. B. Rừng mưa nhiết đới.

 C. Hoang mạc. D. Rừng ôn đới.

**Câu 13.**Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực**không**tiếp xúc?

A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.

B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.

C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.

D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

**Câu 14.**Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Lực chỉ có tác dụng làm vật biến đổi chuyển động.

B. Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực.

C. Lực được phân thành: lực không tiếp xúc và lực tiếp xúc.

D. Lực có thể vừa làm cho vật biến dạng vừa làm cho vật biến đổi chuyển động.

**Câu 15.**Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Khi chiếc lò xo bị tay ta tác dụng và có chiều dài ngắn hơn so với chiều dài ban đầu của nó, thì khi đó lò xo chịu tác dụng của ………

A. Lực nâng. B. Lực kéo.

C. Lực nén. D. Lực đẩy.

**Câu 16.**Việc làm nào dưới đây **không** cần dùng tới lực?

A. Cầm bút viết bài. B. Chơi nhảy dây.

C. Bế em bé. D. Đọc một trang sách.

**II. TỰ LUẬN: 6 điểm**

**Câu 17.** (1,0 điểm). Nêu vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên?

**Câu 18.** (3,0 điểm):

 a. Vẽ hình một nấm đảm và ghi chú thích thành phần cấu tạo của nấm đảm?

|  |  |
| --- | --- |
| b. Bạn Lan mua phôi nấm về trồng làm thực phẩm, bạn Lan đã tận dụng nước rửa rau hàng ngày để tưới cho nấm và thu được kết quả như hình bên. Vậy theo bạn thì bạn Lan đã áp dụng đúng kỹ thuật trồng nấm chưa? |  |

**Câu 19.** (2 điểm) Trình bày vai trò của động vật trong đời sống con người? Cho ví dụ?

---------- Hết ----------

**d) Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**A. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **A** | **C** | **A** | **C** | **C** | **B** | **C** | **B** |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | **A** | **D** | **B** | **C** | **D** | **A** | **C** | **D** |

**B. TỰ LUẬN: 6 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17**. (1 điểm). - Vai trò nguyên sinh vật trong tự nhiên.+ Cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước.+ Thức ăn cho các động vật lớn hơn.+ Sống cộng sinh tạo nên mối quan hệ cần thiết cho sự sống của các loài động vật khác. | **0,25** **0,25****0,5** |
| **Câu 18**. (3 điểm).a. C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpgb. Bạn Lan chưa áp dụng đúng kĩ thuật trồng nấm, trong kĩ thuật nấm yêu cầu phải sử dụng nước để trồng nấm, bạn Lan lại tận dụng nước rửa rau để tưới cho nấm nên nấm sẽ bị nhiễm bệnh và kém chất lượng. | **2****1** |
| **Câu 19** (2 điểm). Vai trò của động vật đối với đời sống con người:+ Cung cấp thức ăn cho con người (bò, lợn, gà, tôm).+ Cung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống như (lông cừu làm áo, ngọc trai làm trang sức….).+ Phục vụ cho nhu cầu giải trí và an ninh cho con người (chó trông nhà)+ Tiêu diệt các sinh vật gây hại cho con người, bảo vệ mua màng (ong mắt đỏ tiêu diệt sâu gây hại, mèo diệt chuột,….).+ Là đối tượng thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu, thử nghiệm (chuột, khỉ,…thử nghiệm thuốc). |  **0,25** **0,25** **0,5** **0,5** **0,5** |